TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2026
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Nhì

Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị N** , sinh năm 1992

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn Ngoan E** , sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022, chị và anh Ngoan E tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nên thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng hơn 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên chị xin ly hôn với anh Ngoan E để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh Ngoan E không có con chung.

Về nợ chung và tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn Ngoan E trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị N . Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không cầu Tòa án giải quyết.

Do không có điều kiện đến Tòa án nên anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn Ngoan E đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời chị N cũng có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh Ngoan E.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh Ngoan E chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) vào năm 2022 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, thường xảy ra cự cãi, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên chị xin ly hôn với anh Ngoan E. Còn anh Ngoan E cũng đồng ý ly hôn với chị N để mỗi người có cuộc sống riêng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ngoan E không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân nhau một thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Ngoan E .

[4] Về con chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ngoan E .

2. Về con chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo lai thu số 0008901 ngày 17/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh